

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Năm 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành P14, Q10, TPHCM
- Số điện thoại : 08 38533496
- Số fax : 08 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): HFB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển :

+ Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

+ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố
- 01/10/2010 : Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM

- 04/05/2016 : Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu, phà của thành phố Hồ Chí Minh. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

5. Các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài chính

- Phòng Hành chính nhân sự

- Phòng Chất lượng và thiết bị

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 9 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty

- Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty con.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà:

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); Trong đó công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TP HCM góp 65% vốn.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 03114571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/8/2017.

4. Định hướng phát triển:

1. Về sản phẩm và thị trường.

a. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để điều chỉnh cơ cấu doanh thu – lợi nhuận giữa các sản phẩm có doanh thu để giảm đến mức tối thiểu sự phụ thuộc vào sản phẩm dịch vụ công ích. Năm 2021, Xây dựng phương án dự phòng trong trường hợp thu hẹp thị trường công ích. Nghiên cứu tiếp cận các sản phẩm dịch vụ

công ích có liên quan đến công tác bảo trì các tuyến Metro của thành phố, các tuyến cao tốc trong khu vực để tham gia.

Tập trung cải tiến quy trình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn để tạo thế mạnh cạnh tranh. Mở rộng thị trường bằng cách tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích các quận huyện và các lĩnh vực khác như cây xanh, thoát nước trên nguyên tắc hợp tác, liên danh, liên kết với các doanh nghiệp chuyên ngành khác. Phân đấu đến năm 2025, tham gia và trúng thầu

b. Thực hiện một số gói sản phẩm dịch vụ công ích ở thị trường mới hoặc sản phẩm mới. Hợp tác với các tổ chức khoa học, công nghệ, các công ty nước ngoài thí điểm áp dụng công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực duy tu, bảo trì, sửa chữa, thi công các công trình. Phân đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 sản phẩm mới đưa vào áp dụng thí điểm và cơ bản hoàn thành các thủ tục pháp lý (quy trình, định mức, đơn giá.v.v) để ứng dụng cho công tác bảo trì, sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố. Đầu tư các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác duy tu, sửa chữa cầu.

c. Thi công xây dựng công trình:

- Giai đoạn 2021-2025: đủ năng lực kỹ thuật để thi công công trình giao thông cấp II giá trị trên 100 tỷ đồng; Đến năm 2025 doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng/năm;

- Về sản phẩm xây dựng: Công trình giao thông, bờ kè, cầu cảng là các sản phẩm xây dựng chủ yếu được ưu tiên của công ty giai đoạn 2021-2025.

- Về thị trường: Ưu tiên tham gia dự thầu các dự án do Sở Giao thông vận tải, UBND Quận huyện trên địa bàn thành phố làm chủ đầu tư. Tiếp tục tạo điều kiện để các đơn vị mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận, các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiếp tục nghiên cứu, tham gia các dự án theo hình thức đối tác công - tư, các dự án có vốn góp của HFIC và các đối tác tin cậy; Nghiên cứu thị trường để phát triển lĩnh vực vật liệu xây dựng.

e. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xe máy- thiết bị phục vụ thi công để đảm bảo yêu cầu sản xuất. Xây dựng mô hình quản lý xe máy thiết bị để quản lý hiệu quả tài sản công ty.

2. Về tổ chức sản xuất: Trong giai đoạn 2021 – 2025 tiếp tục áp dụng mô hình tổ chức các xí nghiệp trực thuộc, các ban điều hành công trình cấp công ty và các công ty con thực hiện các gói thầu thi công công trình và sản phẩm dịch vụ công ích để tận dụng tối đa nguồn lực. Tiếp tục áp dụng mô hình khoán các chỉ tiêu kế hoạch và khoán trọn gói đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức quản lý: Xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của công ty. Tổ chức lại, tinh gọn bộ máy các phòng nghiệp vụ. Bằng mọi giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành

phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh (công ích, xây dựng công trình .v.v) của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông/hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng

lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm :

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	435.164.000.000	386.309.314.343	88,77%
Tổng chi phí	419.855.000.000	373.815.408.739	89,03%
Lợi nhuận trước thuế	15.309.000.000	12.493.905.604	81,61%
Lợi nhuận sau thuế	12.247.000.000	9.903.249.701	80,86%
Chi trả cổ tức	8.190.000.000 (9%)	7.735.000.000 (8,5%)	94,44%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu : Đạt 88,77% kế hoạch
- Lợi nhuận : Đạt 81,61% kế hoạch.
- Cổ tức : Đạt 94,44% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Hội đồng Quản trị :

- Ông Trần Minh Trung : Chủ tịch (15,81% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 0,81% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Ông Lê Hữu Châu : Thành viên (23,71% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 8,71% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Bà Tạ Thị Hồng Tâm : Thành viên (7,69% vốn điều lệ)

- Ông Nguyễn Quang Huy : Thành viên (0,6% vốn điều lệ)
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh : Thành viên (10% vốn điều lệ)
- Được HFIC ủy quyền : 10% vốn điều lệ

+ Ban Tổng Giám đốc :

- Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc (1,02% vốn điều lệ)
- Ông Phạm Ngọc Thành : Phó Tổng Giám đốc (1,06% vốn điều lệ)

+ Ban Kiểm soát :

- Ông Lê Mạnh Thu : Trưởng ban (0,47% vốn điều lệ)
- Ông Trịnh Lê Quang Vinh : Thành viên (0,01% vốn điều lệ)
- Ông Trần Thái Phương : Thành viên

Ghi chú : Ngày chốt danh sách sở hữu là 02/06/2021.

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến 31/12/2021 : 295 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Chỉ tiêu	2021	2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	21.576.928.578	31.219.477.368	(30,89)
Doanh thu thuần	7.052.503.275	20.975.040.800	(66,38)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	97.858.948	442.010.301	(77,86)
Lợi nhuận khác	(747.072)	(10.301)	7.152,42
Lợi nhuận trước thuế	97.111.876	442.000.000	(78,03)
Lợi nhuận sau thuế	83.516.213	380.120.000	(78,03)

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2021	2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	392.672.298.552	414.369.910.422	(5,24)

Doanh thu thuần	385.347.226.390	467.582.143.471	(17,59)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.494.652.676	15.710.795.775	(20,47)
Lợi nhuận khác	(747.072)	(743.122.942)	(99,90)
Lợi nhuận trước thuế	12.493.905.604	14.967.672.833	(16,53)
Lợi nhuận sau thuế	9.903.249.701	11.860.888.871	(16,50)

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2021	2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,24	1,20
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,88	0,89
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,73	0,75
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,71	3,01
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,98	1,13
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng cổ phần : 9.100.000

b) Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần : 5

+ Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần : 273

Cơ cấu cổ đông theo tổ chức và cá nhân:

+ Cổ đông tổ chức : 1

+ Cổ đông cá nhân : 277

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

+ Cổ đông trong nước : 278

+ Cổ đông nước ngoài : 0

Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

+ Cổ đông nhà nước : 1

+ Cổ đông khác : 277

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 202.043.708.721 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng tiêu thụ 2021: 96.317 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2021 : 1.069 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động : 31/12/2021 là 295 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 12.317.089 đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, tổng số tiền trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2021 theo thỏa ước lao động tập thể tại Trung tâm chẩn đoán y khoa Medic. Phụ cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật được công ty cấp cho người lao động đúng quy định.. Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên năm 2021 công ty chưa tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát.

- Thực hiện giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi, hiếu hỷ trợ cấp khó khăn. Chăm lo cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động, tặng quà, trao học bổng cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo.

- Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo an toàn cho người lao động được quy định tại Điều 25 Thỏa ước lao động tập thể, cụ thể đầu tư thêm một số máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phổ biến các văn bản của nhà nước về pháp luật bảo hộ lao động, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng thao tác đối với máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Xây dựng và ban hành Quy định về an toàn vệ sinh lao động. Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn viên, trong quy định, quy chế đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của từng đối tượng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

Toàn bộ người lao động ở từng vị trí công tác đều có chứng chỉ, bằng cấp chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao:

- 100% công nhân có chứng chỉ nghề từ bậc 3/7 trở lên và được huấn luyện ATLĐ và Phòng cháy chữa cháy;

- 100% người lao động khối gián tiếp được huấn luyện ATLĐ và Phòng cháy chữa cháy;

d) Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý và điều hành sản xuất:

Trong năm 2021, Tổng Giám đốc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh sau:

- Bổ nhiệm lại: Giám đốc xí nghiệp công trình 6 (ông Trần Ngọc Dũng); Giám đốc xí nghiệp công trình 7 (ông Nguyễn Quang Huy); 03 phó giám đốc ở các xí nghiệp công trình 2, 7,8;

- Bổ nhiệm mới: 01 phó trưởng phòng Chất lượng – thiết bị; 01 Giám đốc Xí nghiệp công trình 10 (ông Nguyễn Xuân Khoa); 05 Phó Giám đốc xí nghiệp 1, 2, 3, 6, 10).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 làm năm cực kỳ khó khăn của cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng khi dịch Covid-19 làm ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, xã hội và cuộc sống người dân. Hoạt động sản xuất của công ty bị đình trệ và chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch và các yếu tố khác.

1.1 Do ảnh hưởng của dịch covid-19:

a. Ảnh hưởng đến việc triển khai trên công trình và hoạt động công ích.

- Đối với các công trình trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh: Hầu hết các công trình phải tạm dừng thi công từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Sau 30/9, theo quy định các công trình chỉ được phép triển khai thi công lại sau khi CĐT trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Đồng thời phát sinh một số các chi phí công tác phòng chống dịch tại công trường.

- Đối với các công trình ở tỉnh: Hầu hết các công trình phải tạm dừng thi công từ tháng 6/2021 đến 30/9. Sau 30/9, việc đi lại giữa các tỉnh chưa được thực hiện. Do đó rất khó để có thể triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

- Đối với hoạt động công ích:

+ Giai đoạn từ 31/5 đến 22/8: Các hoạt động lĩnh vực sản phẩm dịch vụ công ích diễn ra bình thường. Tuy nhiên, việc hạn chế phương tiện ra – vào thành phố khiến nguồn cung vật tư (cát, đá, bê tông tươi, BTNN....) gặp nhiều khó khăn về tiến độ và chi phí tăng. Các nhà cung cấp bán thành phẩm (trong các khu công nghiệp) hoạt động cầm chừng và khó khăn trong việc cung cấp.

+ Giai đoạn 23/8 đến 30/9: Hầu hết các khối lượng duy tu tạm ngưng do TP áp dụng giãn cách theo chỉ thị 16+, chỉ có công tác tuần tra, kiểm tra, trực gác cầu và xử lý sự cố giao thông. Sở GTVT và Công an TP HCM cấp giấy phép lưu thông cho 45 người, trong đó lực lượng trực tiếp là 40 người (3 xí nghiệp) và khối gián tiếp là 05 người. Trong thời gian này, công ty đã hoàn thành tốt mọi yêu cầu của Sở GTVT và các Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ giao.

Từ 01/10, các gói thầu (kể cả công ích) hoạt động lại phải đảm bảo tiêu chí an toàn phòng chống dịch bệnh theo bộ tiêu chí 3324/QĐ-BCĐ của UBND thành phố. Trong đó thủ tục lập và phải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt phương án phòng chống dịch bệnh tại công trường mất nhiều thời gian. Việc tổ chức thực hiện phương án trên phát sinh chi phí lớn (xét nghiệm định kỳ, thực hiện các giải pháp chống dịch...). Đồng thời, lực lượng lao động thiếu hụt nghiêm trọng sau ngày thành phố nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội. Đến 31/10, chỉ có 21/53 gói thầu công trình đủ điều kiện hoạt động trở lại theo quy định của chính quyền địa phương và tình hình thực tế. Năng lực sản xuất chưa thể đạt 100% yêu cầu do các khó khăn khách quan về nhân lực, thiết bị và các yêu cầu về phòng chống dịch bệnh.

b. Các ảnh hưởng khác.

Do ảnh hưởng của dịch covid-19 nên phải tạm dừng thi công như trên, nên Xí nghiệp không tạo ra được sản phẩm nhưng vẫn phải chịu các chi phí sau:

+ Lương cho người lao động: Công ty trả đủ lương, chế độ chính sách cho người lao động.

+ Trả chi phí thuê mặt bằng, lán trại, kho bãi tại các công trình đang tạm dừng thi công.

+ Chi phí thuê xe máy vẫn phải trả mặc dù không thi công.

+ Xí nghiệp phải chịu các chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng phát sinh do kéo dài thời gian thi công.

+ Trong năm 2021, các đơn vị liên quan như Sở GTVT, CĐT, TVTK, TVGS chủ yếu làm việc luân phiên hoặc nghỉ dịch nên các hồ sơ điều chỉnh thiết kế, hồ sơ phát sinh, hồ sơ nghiệm thu khối lượng, hồ sơ thanh toán thực hiện rất chậm. Việc chậm trễ trên dẫn đến hồ sơ thanh toán được CĐT duyệt chậm, cũng như do công trình phải tạm dừng thi công làm phát sinh chi phí lãi vay ngân hàng rất lớn cho Xí nghiệp.

+ Việc tham gia dự thầu các gói thầu rất khó khăn do không huy động đủ các điều kiện của hồ sơ thầu.

1.2 Do giá vật tư chính tăng đột biến:

- Từ đầu năm 2021 đến nay, các loại vật tư chính như cát, đá, thép ... đều tăng đột biến, cụ thể: cát tăng từ 110.000 đồng/m³ lên 220.000 đồng/m³, đá tăng từ 105.000 đồng/tấn (tại mỏ) lên 125.000 đồng/tấn, thép tăng từ 14.000 đồng/kg lên khoảng 20.000 đồng/kg (cao điểm, hiện nay giảm còn khoảng 18.500 đồng/kg). Việc giá vật tư biến động như trên, các đơn vị phải chịu chi phí bù lỗ rất lớn.

Với những khó khăn chung của cả nước, tâm dịch thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2021, việc công ty hoàn thành kế hoạch 92,5% doanh thu và 88% lợi nhuận là nỗ lực rất lớn của toàn thể lãnh đạo, nhân viên, người lao động.

b. Về tình hình kinh doanh các sản phẩm chủ yếu.

b.1 Sản phẩm dịch vụ công ích.

- Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu	151.196.695.257	160.756.318.087	106,32

Năm 2021 là năm cuối cùng thực hiện 06 gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích 03 năm 2019 – 2021 được ký kết giữa công ty và các cơ quan quản lý.

Về sản lượng thực hiện, công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng các khối lượng cơ quan đặt hàng giao. Thực hiện cả khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (gần 6% giá trị hợp đồng). Trong đó chủ yếu là công tác vệ sinh mặt đường/cầu bằng máy các cầu trên 32 tuyến đường (các cầu khác đã bàn giao công tác vệ sinh cho quận huyện). Do đó, vượt kế hoạch về doanh thu năm 2021 tương ứng 6%. Với khối lượng công tác vệ sinh này, công ty đã đầu tư thêm 02 xe quét đường để cơ bản đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư.

Từ năm 2022-2024, sản phẩm dịch vụ công ích (nay là sản phẩm dịch vụ công sử dụng vốn ngân sách) quản lý, bảo trì công trình cầu đường bộ được Sở Giao thông vận tải TP.HCM tổ chức lựa chọn nhà thầu bằng hình thức đấu thầu. Với những nỗ lực, công ty đã tham gia và trúng thầu tất cả 06 gói dịch vụ sự nghiệp công quản lý bảo trì cầu đường bộ giai đoạn 2022-2024. Qua đó, giữ vững được thị trường quan trọng này. Cụ thể các gói thầu đã trúng và ký kết hợp đồng:

STT	Gói/CĐT	Giá trúng thầu			
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Cộng
I	TT quản lý điều hành giao thông đô thị	8.208.415.118	9.120.951.795	9.963.458.252	27.292.825.165

STT	Gói/CĐT	Giá trúng thầu			
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Cộng
1	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu trên tuyến đường Võ Văn Kiệt – Mai Chí Thọ	8.208.415.118	9.120.951.795	9.963.458.252	27.292.825.165
II	TT quản lý hạ tầng giao thông đường bộ	187.574.396.214	196.517.234.387	205.929.485.418	590.021.116.019
1	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu thuộc địa bàn Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 12, Quận Tân Phú, Quận Tân Bình, Quận Bình Tân, Quận Phú Nhuận, Quận Bình Thạnh, Quận Gò Vấp, Huyện Hóc Môn, Huyện Củ Chi	59.832.999.317	62.387.884.298	65.069.674.689	187.290.558.304
2	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu gồm: cầu Thủ Thiêm, cầu Tân Thuận, cầu Bình Lợi, cầu Sài Gòn, cầu Bình Phước, cầu Phú Hữu, cầu vượt bằng thép tại ngã tư Thủ Đức, cầu Rạch Chiếc và cầu vượt bằng thép tại ngã tư Hàng Xanh	21.071.831.212	22.125.420.160	23.231.755.231	66.429.006.603
3	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu thuộc địa bàn thành phố Thủ Đức	49.892.443.199	52.387.870.486	55.007.226.108	157.287.539.793
4	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu thuộc địa bàn Quận 7, Quận 8, Huyện Nhà Bè, Huyện Bình Chánh	50.223.022.068	52.734.214.007	55.405.931.370	158.363.167.444
5	Gói thầu: Quản lý, bảo trì các công trình cầu, đường thuộc địa bàn Huyện Cần Giờ	6.554.100.418	6.881.845.437	7.214.898.019	20.650.843.874
	Tổng cộng	195.782.811.331	205.638.186.182	215.892.943.671	617.313.941.184

Đây cũng là kết quả đạt được quan trọng nhất của khối công ích trong năm 2021.

a. Việc tổ chức thực hiện nội bộ: Với 03 đơn vị thực hiện (Xí nghiệp Công trình 2, Xí nghiệp công trình 7 và Xí nghiệp công trình 8), công ty đã hoàn thành tốt các điều khoản hợp đồng của công ty và cơ quan đặt hàng, khả năng huy động và quản lý lực lượng lao động tốt hơn.

Tổng Giám đốc đã khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động tại các xí nghiệp công ích. Qua đó, kiểm soát chi phí hoạt động công ích nhằm hạn chế phát sinh chi phí trong điều kiện chi phí công ích phát sinh tăng. Phương án này tiếp tục được điều chỉnh và áp dụng cho giai đoạn 2022-2024.

b. Những mặt còn tồn tại: Còn ít áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình thực hiện. Giá thành sản phẩm, dịch vụ còn cao. Xe máy thiết bị phục vụ công tác duy tu còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

b.2 Hoạt động xây dựng công trình.

Hoạt động thi công xây dựng được xác định là hoạt động kinh doanh chủ yếu, mũi nhọn của doanh nghiệp.

a. Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu	283.000.000.000	224.590.908.303	79,36

b. Tình hình thực hiện

Tổng giá trị thực hiện hợp đồng gần 639 tỷ đồng. Trong đó giá trị ký kết hợp đồng năm 2021 là 276 tỷ đồng (bằng 122% so với năm 2020).

Trong 04 tháng thành phố thực hiện giãn cách xã hội, công ty vẫn tích cực tìm kiếm

thông tin và tham gia các gói thầu qua mạng để tham gia đấu thầu. Kết quả, trúng thầu và ký kết hợp đồng 05 công trình với tổng giá trị hợp đồng hơn 60 tỷ đồng.

Việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2021, việc mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận phát triển thể hiện trên số lượng, giá trị các gói thầu công trình. Công ty đang thực hiện công trình ở các tỉnh : Đồng Tháp (7 công trình), Tiền Giang (5 công trình); An Giang (01 công trình); Long An (02 công trình); Bến Tre (03 công trình), Hậu Giang (01 công trình); Cần Thơ (01 công trình), Sóc Trăng (01 công trình), Đồng Nai (02 công trình).

Hoạt động thi công xây dựng công trình năm 2021, không đạt chỉ tiêu doanh thu do gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai các gói thầu đã ký kết. Nhất là trong giai đoạn ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Với khó khăn và vướng mắc đã nêu ở trên.

Việc áp dụng mô hình khoán chỉ tiêu, lợi nhuận tạo sự chủ động cho đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch và cân đối chi phí cho từng gói thầu. Từng bước được các chủ đầu tư ghi nhận. Hầu hết các gói thầu đều thi công đúng tiến độ, chất lượng được chủ đầu tư đánh giá cao.

c. Những tồn tại:

- Với những nỗ lực trong thời gian qua, Công ty đã từng bước nâng cao năng lực kỹ thuật để tham gia các gói thầu lớn. Tuy nhiên, năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân lực .v.v còn thiếu so với mặt bằng chung trên thị trường và yêu cầu phát triển.

- Các sản phẩm thi công của công ty chủ yếu là cầu, đường, bờ kè, ngầm hóa hệ thống điện- viễn thông. Đây là các sản phẩm có nhiều đối thủ cạnh tranh, thị trường bão hòa. Đặc biệt là chưa tạo ra sản phẩm có thể mạnh riêng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2021	2020	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	354.747.241.510	374.493.509.627	(19.746.268.117)	(5,27)
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.247.180.539	45.944.136.090	18.303.044.449	39,84
Các khoản phải thu ngắn hạn	170.609.212.771	210.614.493.083	(40.005.280.312)	(18,99)
Hàng tồn kho	101.428.004.730	96.896.032.345	4.531.972.385	4,68
Tài sản ngắn hạn khác	18.462.843.470	21.038.848.109	(2.576.004.639)	(12,24)
B. Tài sản dài hạn	37.925.057.042	39.876.400.795	(1.951.343.753)	(4,89)
Tài sản cố định	31.630.898.156	27.124.236.740	4.506.661.416	16,61
Tài sản dở dang dài hạn	0	4.586.954.545	(4.586.954.545)	(100,00)
Tài sản dài hạn khác	6.294.158.886	8.165.209.510	(1.871.050.624)	(22,91)
Tổng cộng tài sản	392.672.298.552	414.369.910.422	(21.697.611.870)	(5,24)

- Tài sản ngắn hạn giảm 19.746.268.117 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 5,27% chủ yếu là do giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác.

- Tài sản dài hạn giảm 1.951.343.753 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 4,89% chủ yếu là tài sản dở dang dài hạn giảm là ghi nhận tăng tài sản cố định xe quét đường, Tài sản dài hạn khác giảm chủ yếu là do phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 0,98 cứ 1đ tài sản tạo ra 0,98 đ doanh thu giảm so với năm 2020. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,03 cứ 1đ tài sản mang về 0,03đ lợi nhuận bằng với năm 2020.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2021	2020	Mức tăng	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	286.911.099.411	311.140.873.623	(24.229.774.212)	(7,79)
Nợ ngắn hạn	286.911.099.411	311.140.873.623	(24.229.774.212)	(7,79)
D. Vốn chủ sở hữu	105.761.199.141	103.229.036.799	2.532.162.342	2,45
Vốn chủ sở hữu	105.761.199.141	103.229.036.799	2.532.162.342	2,45
Tổng nguồn vốn	392.672.298.552	414.369.910.422	(21.697.611.870)	(5,24)

- Nợ phải trả giảm 24.229.774.212 đồng tương ứng với tỷ lệ 7,79%, chủ yếu là giảm khoản tiền khách hàng ứng trước và giảm khoản vay ngân hàng.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,24 tăng so với năm 2020, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 2,71 giảm so với năm 2020

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện phương án khoán quỹ lương và các khoản phải trả cho người lao động toàn công ty:

- Khối văn phòng: khoán quỹ lương từng phòng nghiệp vụ trên cơ sở định biên lao động hiện hữu và quy chế trả lương do Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Khối công ích: Khoán toàn bộ chi phí tiền lương và các khoản phải trả cho người lao động (BHXH, BHYT, bồi dưỡng độc hại, bảo hộ lao động, tiền ăn giữa ca, các khoản phụ cấp khác...) khối công ích trên cơ sở lao động định biên và chi phí nhân công xí nghiệp được hưởng.

- Khối công trình: Các đơn vị tự chi trả tiền lương và các khoản phải trả khác.

Với phương án khoán trên, công ty cố định và kiểm soát các chi phí liên quan đến việc sử dụng lao động không vượt dự toán chi do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục thực hiện, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thế mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, nhân lực, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

- Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh

nghiệp. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn nhà nước áp dụng xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong điều kiện đấu thầu rộng rãi sản phẩm dịch vụ công ích. Tạo thế mạnh cạnh tranh bằng kinh nghiệm, chất lượng, công nghệ và giá thành. Tinh giảm, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện trên cơ sở bố trí ca, kíp cho phù hợp. Áp dụng tin học trong quản lý bằng các phần mềm chuyên ngành về quản lý cầu, đường. Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp cụ thể để đạt kết quả cao nhất trong đấu thầu SPDVCI 2022-2024.

- Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược. Liên danh, liên kết để tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Xem sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

- Tiếp cận và tham gia vào một số hạng mục quản lý, bảo trì vận hành tuyến Metro thành phố.

- Lập kế hoạch sử dụng xe máy thiết bị trên cơ sở các trang thiết bị hiện có và các trang thiết bị cần bổ sung bằng nhiều hình thức (Đề xuất đầu tư mua sắm, thuê.v.v) để đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động sản xuất và đủ điều kiện để tham gia đấu thầu.

- Trình Hội đồng quản trị danh mục đề xuất đầu tư bổ sung các thiết bị tối thiểu để đảm bảo hoạt động sản xuất lĩnh vực Sản phẩm dịch vụ công ích cơ quan giao thầu tăng thêm các hạng mục quản lý, bảo trì (Xe quét đường, xe ben, xe tải cầu.v.v.)

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a) Trong quản lý và điều hành doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đảm bảo tính tuân thủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội đồng thành quản trị và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Thể chế hóa, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định nhà nước trong quản lý. Tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu tổ chức và sản phẩm hoạt động các đơn vị phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp trong tình hình mới.

b) Hàng năm, HĐQT điều xây dựng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng phụ trách và thực hiện công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

c) Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, và các quy chế quản lý nội bộ khác. Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động trong công ty, nhằm đảm bảo cho Ban điều hành có cơ sở thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

d) Định kỳ hàng tháng và đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức họp để các thành viên HĐQT và BKS nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 03 cuộc họp tập trung (do dịch Covid-19 phải thực hiện cách ly xã hội theo quy định nên không thể tổ chức nhiều cuộc họp tập trung) và 11 lượt lấy ý kiến biểu quyết của thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề quản lý của công ty theo thẩm quyền của HĐQT và ban hành 53 văn bản hành chính. (Đính kèm danh mục các văn bản do HĐQT ban hành).

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc công ty thực hiện các nghị quyết của HĐQT, phối hợp Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

f) Phối hợp Ban kiểm soát tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

g) Tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị.

Công ty đã thực hiện đúng chế độ tiền lương, thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị được quy định tại Điều 7, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, số 02/NQ-CTCP-ĐHCD ngày 26/4/2021, cụ thể:

Stt	Chức danh	Kế hoạch tháng	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng	Thực hiện năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27.000.000	324.000.000	27.000.000	324.000.000
2	Trưởng ban kiểm soát	23.000.000	276.000.000	23.000.000	276.000.000
3	Tổng Giám đốc	25.000.000	300.000.000	25.000.000	300.000.000
4	Thành viên Hội đồng quản trị (4 người x 4.500.000/tháng)	18.000.000	216.000.000	18.000.000	216.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát (2 người x 2.500.000/tháng)	5.000.000	60.000.000	5.000.000	60.000.000

6	Phụ trách quản trị Công ty	4.000.000	48.000.000	4.000.000	48.000.000
---	----------------------------	-----------	------------	-----------	------------

Ngoài ra HĐQT quyết định chi thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị hoạt động kiêm nhiệm nhân dịp Tết Nguyên Đán tháng lương 13 số tiền 103.000.000 đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a) Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty.

b) Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn nhà nước và vốn góp của cổ đông được bảo toàn.

c) HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của HĐQT.

d) Qua công tác kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

e) Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT sẽ phối hợp với Tổng Giám đốc, Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Đảm bảo hoàn thành tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị làm nền tảng xây dựng và thực hiện chiến lược, định hướng phát triển cho những năm tiếp theo. Kế hoạch chỉ tiêu của năm 2022, cụ thể:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	386.309.314.343	415.000.000.000	107%
Tổng chi phí	373.815.408.739	401.000.000.000	107%
Lợi nhuận trước thuế	12.493.905.604	14.000.000.000	112%
Lợi nhuận sau thuế	9.903.249.701	11.200.000.000	113%
Chi trả cổ tức (8,5%)	7.735.000.000	7.735.000.000	100%

2. Bảo toàn vốn góp của cổ đông; đảm bảo vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp được hiệu quả và phát triển. Các hoạt động tài chính minh bạch, an toàn. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

3. Tăng cường giám sát hoạt động của công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới; cải thiện hơn nữa công tác quản lý dòng tiền nhằm góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản.

4. Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của người lao động, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của công ty. Tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị doanh nghiệp...

5. Tiếp tục hoàn thiện các mô hình sản xuất: Tạo sự chủ động, hỗ trợ đơn vị kích thích sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm soát của công ty. Tiếp tục nỗ lực giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công ích và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng chất lượng, tính chuyên nghiệp và thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

6. Tiếp cận và nghiên cứu tham gia các hình thức kinh doanh, lĩnh vực mới có nhiều tiềm năng và phát triển các sản phẩm mới như khai khoáng, sản xuất vật liệu...

7. Xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó xây dựng được về sản phẩm, lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, nhu cầu về vốn, về số lượng trang thiết bị của công ty cần trang bị, đầu tư trong từng năm; Giải pháp huy động vốn.

8. Đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp.

II. Biện pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty có thể mạnh: Sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động, Công ty cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, thiết bị, nhân lực để chuyên nghiệp hóa, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

b) Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, công nghệ, giá thành và sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng, để ổn định và phát triển công ty.

c) Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược trong việc tham gia xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Duy trì tốt các thị trường truyền thống, tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận.

d) Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cấu kiện cơ khí giao thông, khai khoáng, cấu kiện bê tông đúc sẵn...

e) Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

2. Nâng cao năng lực quản lý

a) Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

b) Tăng cường ổn định chính trị, nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

c) Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

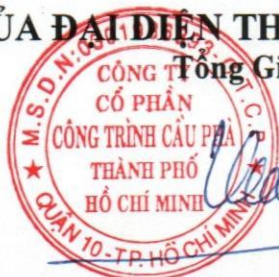
2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com

Ngày 07 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Tổng Giám đốc *au*

LÊ HỮU CHÂU

Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.



Báo cáo tài chính hợp nhất
Đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH & CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aascs.com.vn Email: info@aascs.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh: : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lấp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình;

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 01 công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

+ Công ty con:

Đơn vị	Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà
Địa chỉ	: 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM
Tỷ lệ lợi ích	: 65%
Tỷ lệ quyền biểu quyết	: 65%

Các đơn vị trực thuộc

- Văn phòng
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Hội đồng Quản trị		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 05 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 05 năm 2021
Ban Kiểm soát		
Ông Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
CỔ PHẦN
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 10-TP HỒ CHÍ MINH

M.S.D.N. 936

Lê Hữu Châu

Số: 187 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 28/02/2022 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 15/03/2022; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày từ trang 8 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

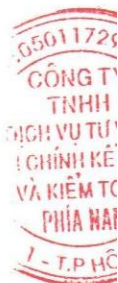
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		354.747.241.510	374.493.509.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.247.180.539	45.944.136.090
Tiền	111		20.247.180.539	45.944.136.090
Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.609.212.771	210.614.493.083
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	141.098.241.920	179.101.563.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.840.123.775	18.569.045.716
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	27.836.179.420	20.796.208.791
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.165.332.344)	(7.852.324.872)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	101.428.004.730	96.896.032.345
Hàng tồn kho	141		101.428.004.730	96.896.032.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.462.843.470	21.038.848.109
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	11.074.232.346	12.157.559.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	6.251.923.832	8.148.310.814
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.136.687.292	732.977.541
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.925.057.042	39.876.400.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.630.898.156	27.124.236.740
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.630.898.156	27.124.236.740
- Nguyên giá	222		83.770.043.536	73.764.146.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.139.145.380)	(46.639.909.523)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		173.100.000	173.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.100.000)	(173.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	4.586.954.545
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.586.954.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.294.158.886	8.165.209.510
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	6.270.972.565	8.135.840.170
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.186.321	29.369.340
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		392.672.298.552	414.369.910.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		286.911.099.411	311.140.873.623
I. Nợ ngắn hạn	310		286.911.099.411	311.140.873.623
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	119.905.010.105	150.257.980.113
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.805.148.071	56.451.848.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	381.731.165	1.511.596.828
Phải trả người lao động	314		10.551.173.148	12.721.250.998
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	88.778.048.718	55.195.973.181
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	8.317.448.822	36.505.288.756
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(827.460.618)	(1.503.064.640)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.761.199.141	103.229.036.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	105.761.199.141	103.229.036.799
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.619.661.304	2.028.139.464
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.493.813.417	7.757.403.590
+ LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(380.205.609)	259.266.481
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.874.019.026	7.498.137.109
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.647.724.420	2.443.493.745
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		392.672.298.552	414.369.910.422

Người lập biểu

mauu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

uuuuu

Lê Nga Phương



TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ

THÀNH PHỐ

HỒ CHÍ MINH

QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	385.347.226.390	467.582.143.471
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		385.347.226.390	467.582.143.471
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	350.823.211.077	427.096.751.428
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.524.015.313	40.485.392.043
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	962.087.953	1.463.370.268
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.228.189.243	1.767.004.650
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.228.189.243	1.767.004.650
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	21.763.261.347	24.470.961.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.494.652.676	15.710.795.775
Thu nhập khác	31	VI.5	-	207.773.429
Chi phí khác	32	VI.6	747.072	950.896.371
Lợi nhuận khác	40		(747.072)	(743.122.942)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.493.905.604	14.967.672.833
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.584.472.884	3.100.600.943
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.183.019	6.183.019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		9.903.249.701	11.860.888.871
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.874.019.026	11.727.846.871
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		29.230.675	133.042.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.085	1.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.493.905.604	14.967.672.833
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		5.499.235.857	5.405.069.682
- Các khoản dự phòng	03		313.007.472	344.058.342
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(962.087.953)	(1.562.615.256)
- Chi phí lãi vay	06		1.228.189.243	1.767.004.650
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.572.250.223	20.921.190.251
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		46.219.224.897	123.143.217
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.531.972.385)	(37.645.258.644)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		4.364.577.532	28.681.525.512
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.948.195.013	(5.827.651.003)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.228.189.243)	(1.767.004.650)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.583.727.072)	(2.117.439.808)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.366.087.359	2.160.158.560
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.690.483.337)	(2.796.591.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.435.962.987	1.732.071.974
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.005.897.273)	(3.435.248.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	202.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		938.498.914	1.463.370.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.067.398.359)	(1.769.560.368)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	39.532.870.339	79.167.679.921
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.720.710.273)	(82.258.717.247)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.877.680.245)	(7.864.994.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.065.520.179)	(10.956.032.080)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	18.303.044.449	(10.993.520.474)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.944.136.090	56.937.656.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	64.247.180.539	45.944.136.090

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

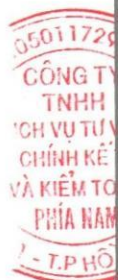
Lê Nga Phương



TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Châu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 01 Công ty con và 9 Xí nghiệp trực thuộc

a. Công ty con hợp nhất :

Công ty : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

- Địa chỉ : Số 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65 % - Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc

Hoạt động kinh doanh chính

- Văn phòng Công ty	: Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	: Thi công công trình giao thông

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bắt đầu từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 khi chính thức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, trong đó:

+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà được thành lập theo Nghị quyết số 45/NQ-CTCP-HĐQT ký ngày 03 tháng 07 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 08 năm 2017. Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ sẽ được hợp nhất kể từ ngày 14/08/2017.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

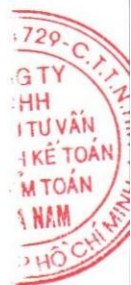
Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

+ Phần mềm kế toán:

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán. Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty

Quan hệ

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)

Cổ đông lớn 40%

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	103.574.540	357.177.314
Văn phòng Công ty	81.869.366	52.780.535
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	3.108.269	3.067.153
Công ty con	18.596.905	301.329.626
- Tiền gửi ngân hàng	20.143.605.999	45.586.958.776
Văn phòng Công ty	13.696.895.179	37.834.164.655
Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty con	5.961.476.283	2.208.751.409
Công ty con	485.234.537	5.544.042.712
- Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	-
Văn phòng Công ty	44.000.000.000	-
Cộng	64.247.180.539	45.944.136.090



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

a. Công ty mẹ

- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4
- Khu quản lý đường thủy nội địa
- BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè
- BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM
- BQL CT CC Huyện Tam Nông
- Trung tâm quản lý đường hầm Sông Sài Gòn
- Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiếng
- CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu
- BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông
- Các khoản phải thu khách hàng khác

b. Công ty con

- Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiếng
- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long
- Công ty TNHH XD Bách Khang
- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ
- Khác hàng khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	132.772.865.273	164.914.819.338
	2.717.599.932	8.300.005.490
	7.881.720.936	14.641.105.502
	2.941.710.385	5.091.202.269
	2.687.130.867	8.170.494.350
	9.882.183.916	11.651.621.017
	2.687.322.000	3.941.073.000
	1.111.449.753	7.329.210.850
	344.906.000	344.906.000
	1.625.356.550	2.464.220.569
	1.209.828.909	1.209.828.909
	9.028.800.000	9.028.800.000
	11.943.205.702	18.599.199.969
	78.711.650.323	74.143.151.413
	8.325.376.647	14.186.744.110
	761.218.634	761.218.634
	-	9.051.035.624
	3.474.489.852	4.374.489.852
	3.923.298.000	-
	166.370.161	-
	141.098.241.920	179.101.563.448

2.2. Dài hạn

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

3.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Văn phòng

- Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn
- CTCP XNK TM DV Du Lịch Táo Đỏ
- Cty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn - SJC
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

Xí nghiệp

- Xí nghiệp công trình 1
- Xí nghiệp công trình 2
- Xí nghiệp công trình 3
- Xí nghiệp công trình 4
- Xí nghiệp công trình 5
- Xí nghiệp công trình 6
- Xí nghiệp công trình 7
- Xí nghiệp công trình 8
- Xí nghiệp công trình 9

Công ty con

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	261.477.000	939.391.500
	116.235.000	116.235.000
	-	210.094.500
	-	450.660.000
	145.242.000	162.402.000
	8.988.122.491	16.565.682.424
	154.172.900	396.907.800
	49.252.000	308.013.377
	1.376.690.120	1.762.956.712
	806.157.924	6.032.124.833
	1.474.096.000	2.589.380.999
	274.417.600	527.700.896
	876.685.000	313.000
	-	361.194.407
	3.976.650.947	4.587.090.400
	590.524.284	1.063.971.792
	9.840.123.775	18.569.045.716

3.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu của người lao động	59.488.474	-	188.020.838	-
+ Các khoản trích theo lương	-	-	182.981.400	-
+ Thuế TNCN	59.488.474	-	5.039.438	-
+ Khác	-	-	-	-
- Tạm ứng	12.501.660.717	-	7.691.689.620	-
+ Văn phòng	89.036.000	-	47.536.000	-
+ XN trực thuộc	12.412.624.717	-	7.644.153.620	-
- Ký cược, ký quỹ	9.744.710.481	-	8.380.877.347	-
- Phải thu khác	5.530.319.748	-	4.535.620.986	-
+ Văn phòng	833.030.567	-	706.126.292	-
. Phải thu về duy tu	-	-	4.187.273	-
. XD trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi Q2	595.548.719	-	695.548.719	-
. Lãi dự thu	23.589.039	-	-	-
. Phải thu khác	213.892.809	-	6.390.300	-
+ Xí nghiệp	4.660.004.268	-	3.829.414.321	-
. XN công trình 1	451.878.553	-	140.046.858	-
. XN công trình 2	553.867.805	-	589.843.858	-
. XN công trình 3	1.493.955.479	-	1.329.561.460	-
. XN công trình 4	273.676.005	-	-	-
. XN công trình 5	253.407.320	-	253.407.318	-
. XN công trình 6	2.151.478	-	1.695.666	-
. XN công trình 7	480.089.162	-	284.521.984	-
. XN công trình 8	598.797.489	-	717.013.208	-
. XN công trình 9	552.180.977	-	513.323.969	-
+ Công ty con	37.284.913	-	80.373	-
Cộng	27.836.179.420		20.796.208.791	

4.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

5 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- CTCP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
- CTCP ĐT PT Sông Đà	719.946.000	719.946.000	719.946.000	719.946.000
- CTNHH XXD TM Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
-CTCP Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
- Cty DV bưu chính Viễn thông Sài Gòn	121.129.724	121.129.724	121.129.724	121.129.724
- Ủy ban nhân dân Quận 3	222.928.618	222.928.618	222.928.618	222.928.618
- Khác	313.007.472	313.007.472	-	-
Cộng	8.165.332.344	8.165.332.344	7.852.324.872	7.852.324.872

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	59.580.896.220	-	62.359.920.127	-
- Công cụ, dụng cụ	4.396.704.758	-	3.061.228.081	-
- Chi phí SXKDD	31.542.565.950	-	25.567.046.335	-
- Hàng hóa	1.001.849.000	-	1.001.849.000	-
- Hàng hóa gửi bán	4.905.988.802	-	4.905.988.802	-
Cộng	101.428.004.730	-	96.896.032.345	-

7 . TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

7.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

7.2. Xây dựng cơ bản dở dang

- Xe quét đường

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	4.586.954.545
	-	4.586.954.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

8 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.060.663.688	5.036.393.063	55.960.549.240	706.540.272		73.764.146.263
- Mua trong năm	-	-	9.956.097.273	49.800.000	-	10.005.897.273
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.060.663.688	5.036.393.063	65.916.646.513	756.340.272	-	83.770.043.536
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.079.250.299	4.573.516.918	40.280.602.034	706.540.272	-	46.639.909.523
- Khấu hao	501.372.036	154.470.644	4.836.753.177	6.640.000	-	5.499.235.857
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do góp	-	-	-	-	-	-
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.580.622.335	4.727.987.562	45.117.355.211	713.180.272	-	52.139.145.380
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.981.413.389	462.876.145	15.679.947.206	-	-	27.124.236.740
Tại ngày cuối năm	10.480.041.353	308.405.501	20.799.291.302	43.160.000	-	31.630.898.156



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

9 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000		173.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	-	173.100.000		173.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000		173.100.000
- Khấu hao	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	-	173.100.000		173.100.000
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-		-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-		-



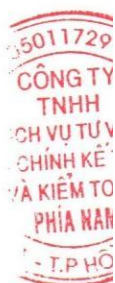
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
10.1 Ngắn hạn		
a. Văn phòng	-	-
b. Xí nghiệp	11.074.232.346	12.157.559.754
+ Xí nghiệp công trình 1	44.764.593	-
+ Xí nghiệp công trình 2	1.754.796.491	1.097.545.457
+ Xí nghiệp công trình 4	6.117.860.270	6.270.318.220
+ Xí nghiệp công trình 5	-	-
+ Xí nghiệp công trình 6	-	1.200.000
+ Xí nghiệp công trình 7	1.097.229.652	584.459.348
+ Xí nghiệp công trình 8	724.826.403	3.687.202.851
+ Xí nghiệp công trình 9	1.334.754.937	516.833.878
Cộng	<u>11.074.232.346</u>	<u>12.157.559.754</u>
10.2 Dài hạn		
a. Văn phòng	6.270.972.565	8.135.840.170
+ Công cụ dụng cụ	-	158.447.190
+ Lợi thế kinh doanh (*)	6.270.972.565	7.838.715.707
+ Khác	-	138.677.273
b. Xí nghiệp	-	-
Cộng	<u>6.270.972.565</u>	<u>8.135.840.170</u>

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng	9.933.590.893	9.933.590.893	17.268.543.598	17.268.543.598
- CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	3.375.551.769	3.375.551.769	4.814.966.548	4.814.966.548
- CTNNHĐT XD & PT CTGT 6	46.522.300	46.522.300	46.522.300	46.522.300
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng An	3.330.330.499	3.330.330.499	5.535.329.166	5.535.329.166
- CTCP Vận tải TM XD Công nghiệp Đức Long	-	-	3.526.600.000	3.526.600.000
- Khác	3.181.186.325	3.181.186.325	3.345.125.584	3.345.125.584
b. Xí nghiệp	104.082.911.880	104.082.911.880	117.152.688.556	117.152.688.556
Xí nghiệp công trình 1	5.952.907.820	5.952.907.820	11.982.818.210	11.982.818.210
Xí nghiệp công trình 2	4.066.993.867	4.066.993.867	4.483.448.007	4.483.448.007
Xí nghiệp công trình 3	8.821.263.350	8.821.263.350	5.673.200.729	5.673.200.729
Xí nghiệp công trình 4	10.792.183.011	10.792.183.011	47.360.085.458	47.360.085.458
Xí nghiệp công trình 5	14.166.915.491	14.166.915.491	12.307.389.493	12.307.389.493
Xí nghiệp công trình 6	8.491.056.529	8.491.056.529	1.151.110.620	1.151.110.620
Xí nghiệp công trình 7	28.158.825.374	28.158.825.374	13.411.034.321	13.411.034.321
Xí nghiệp công trình 8	10.726.777.506	10.726.777.506	8.684.879.928	8.684.879.928
Xí nghiệp công trình 9	12.905.988.932	12.905.988.932	12.098.721.790	12.098.721.790
c. Công ty con	5.888.507.332	5.888.507.332	15.836.747.959	15.836.747.959
Cộng	119.905.010.105	119.905.010.105	150.257.980.113	150.257.980.113

11.2. Dài hạn

11.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

11.4. Phải trả người bán là các bên liên quan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.449.867.640	7.251.530.953	8.319.667.428	-	381.731.165
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.148.310.814	-	23.523.027.804	25.419.414.785	6.251.923.833	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
+ Công ty mẹ	639.987.911	-	2.570.877.221	2.500.000.000	569.110.690	-
+ Công ty con	-	51.920.594	14.342.735	83.727.072	17.463.742	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-	-
+ Công ty mẹ	92.989.630	-	366.510.863	411.000.008	137.478.775	-
+ Công ty con	-	9.808.594	15.910.188	30.931.306	5.212.524	-
Tiền thuê đất	-	-	598.225.928	1.005.647.488	407.421.560	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Chi phí phạt khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	8.881.288.355	1.511.596.828	34.345.425.692	37.775.388.087	7.388.611.124	381.731.165

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	7.494.844	49.444.780
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	80.870.972.314	48.416.946.841
Văn phòng	4.147.160.570	6.708.090.019
+ BDH cảng Bến Dầm	-	-
+ Phòng kinh doanh	1.076.370.204	765.436.930
+ Phòng kế hoạch đầu tư	-	-
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	50.474.484	50.474.484
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.336.089.647	1.336.089.647
+ BDH sửa chữa cầu Long Kiểng H. Nhà Bè	-	-
+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	198.573.750	4.078.730.495
+ Đoàn Thanh Niên	-	-
+ Khác	1.485.652.485	477.358.463
Xí nghiệp	76.723.811.744	41.708.856.822
+ Xí nghiệp công trình 1	21.354.661.523	15.787.054.141
+ Xí nghiệp công trình 2	13.482.508.483	4.590.152.047
+ Xí nghiệp công trình 3	633.120.095	633.120.095
+ Xí nghiệp công trình 4	25.213.696.858	2.269.526.718
+ Xí nghiệp công trình 5	380.166.749	383.189.614
+ Xí nghiệp công trình 6	199.844.545	5.314.851.000
+ Xí nghiệp công trình 7	4.889.069.775	2.762.867.415
+ Xí nghiệp công trình 8	8.298.898.622	5.645.755.836
+ Xí nghiệp công trình 9	2.271.845.094	4.322.339.956
Công ty con	7.899.581.560	6.729.581.560
Cộng	88.778.048.718	55.195.973.181

13.2. Dài hạn

13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

14.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay tổ chức tín dụng	35.005.288.756	35.005.288.756	39.532.870.339	66.220.710.273	8.317.448.822	8.317.448.822
- Công ty mẹ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	35.005.288.756	35.005.288.756	39.532.870.339	66.220.710.273	8.317.448.822	8.317.448.822
b. Vay cá nhân	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
- Công ty con						
Ông Nguyễn Trọng Ngôn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
Cộng	36.505.288.756	36.505.288.756	39.532.870.339	67.720.710.273	8.317.448.822	8.317.448.822

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2021	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM - 01/2021/94435/HĐTĐ	31/08/2021	Bổ sung vốn lưu động	350.000.000.000	Theo giải ngân	8.317.448.822	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn - 4733.21.201.34849656.TD	28/01/2021	Bổ sung vốn lưu động	475.000.000.000	Theo giải ngân	-	Theo quy định MB từng thời kỳ
Cộng			825.000.000.000		8.317.448.822	

14.2. Dài hạn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	59.467.052	1.577.505.223	2.136.456.831	7.483.790.052	102.257.219.158
- Vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	173.994.914	-	173.994.914
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	133.042.000	11.727.846.871	11.860.888.871
- Chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	450.634.241	-	(450.634.241)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	-	(2.160.158.560)	(2.160.158.560)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2019	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Điều chỉnh giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(190.994.914)	(190.994.914)
- Giảm khác	-	(59.467.052)	-	-	(462.445.618)	(521.912.670)
Số dư đầu năm nay	91.000.000.000	-	2.028.139.464	2.443.493.745	7.757.403.590	103.229.036.799
- Vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	175.000.000	-	175.000.000
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	29.230.675	9.874.019.026	9.903.249.701
- Chi thường Ban Điều hành (*)	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	591.521.840	-	(591.521.840)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.366.087.359)	(2.366.087.359)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2020 (*)	-	-	-	-	(5.005.000.000)	(5.005.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(175.000.000)	(175.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	91.000.000.000	-	2.619.661.304	2.647.724.420	9.493.813.417	105.761.199.141

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-CTCP-HĐQT ngày 26/04/2021.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Giá trị vốn
+ Cty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	8,71%	793.000	7.930.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Hoàng Mạnh Hào	10,74%	977.100	9.771.000.000
+ Cổ đông khác	22,26%	2.026.000	20.260.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	9.100.000.000

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		10,0%

16 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp trong năm	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

17.1. Tài sản nhận giữ hộ

17.2. Ngoại tệ các loại



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	384.659.951.886	466.454.880.467
- Doanh thu khác	687.274.504	1.127.263.004
- Doanh thu dịch vụ	-	-
- Doanh thu cho thuê xe máy	-	-
- Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Cộng	385.347.226.390	467.582.143.471

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	350.198.432.015	426.105.021.692
- Giá vốn khác	624.779.062	991.729.736
- Giá vốn cho thuê xe máy	-	-
- Giá vốn hàng hóa	-	-
Cộng	350.823.211.077	427.096.751.428

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	962.087.953	1.463.370.268
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	962.087.953	1.463.370.268

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.228.189.243	1.767.004.650
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1.228.189.243	1.767.004.650

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tài sản dài hạn	-	202.318.182
- Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	-	5.454.546
- Thu nhập khác	-	701
Cộng	-	207.773.429



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý	-	103.073.194
- Chi phí thanh lý dạn cầu	-	831.796.045
- Truy thu thuế	-	6.950.000
- Phạt chậm nộp	747.072	9.077.132
- Chi phí khác	-	-
Cộng	747.072	950.896.371

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	359.113.736
- Chi phí đồ dùng văn phòng	398.930.107	33.782.096
- Chi phí nhân viên quản lý	11.383.973.057	13.221.228.732
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.323.848.972	3.726.008.562
- Thuế, phí, lệ phí	785.044.108	1.012.777.357
- Chi phí dự phòng	360.384.636	344.058.342
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.482.444.615	4.595.407.591
- Chi phí khác bằng tiền	1.028.635.852	1.178.585.470
Cộng	21.763.261.347	24.470.961.886

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.874.019.026	11.727.846.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	2.366.087.359
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.100.000	9.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.085	1.029

(*) Hội tổ chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**
Trong năm tài chính Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Doanh nghiệp không phát sinh việc trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường :

Năm nay

39.532.870.339

Năm trước

79.167.679.921

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường :

67.720.710.273

82.258.717.247

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

Cổ đông lớn 40%

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
Trả cổ tức	3.640.000.000	3.276.000.000
Phải thu phần vốn nhà nước khi cổ phần hoá	-	462.445.618
Các khoản phải nộp khác	-	85.667.612

- Tại ngày kết thúc niên độ 31/12/2021, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Phải trả cổ tức	-	1.638.000.000

4. Quỹ lương thực hiện của Tổng giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, Người phụ trách QT và Ban kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền lương của Tổng Giám đốc	326.000.000	350.000.000
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Người phụ trách QT	1.001.000.000	1.078.000.000
Trong đó:		
+ Chủ tịch HĐQT	351.000.000	378.000.000
+ Các thành viên HĐQT (4 thành viên)	234.000.000	252.000.000
Cộng	<u>1.327.000.000</u>	<u>1.428.000.000</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu